TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 06-11-2019.
V/v: *"Kiện ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Y Manh Adrơng - Cán bộ hưu trí.

2, Ông Hoàng Tuyển – Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Văn Trỗi.

-Thư ký phiên Tòa: Ông Hoàng Công Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo: Không tham gia phiên tòa

Ngày 06/11/2019 tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên toà xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 259/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2019 về việc *"Kiện ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2019 và các quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/9/2019; số 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/10/2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị Ng, sinh năm 1994 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện E, tỉnh Đăk Lăk.

Bị đơn: Anh Lục Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

Nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện E, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án chị Ng là nguyên đơn và anh T là bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị Vi Thị Ng và anh Lục Văn T về chung sống với nhau từ năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện E, tỉnh Đăk Lăk, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, sau khi về sống chung hạnh phúc được một thời gian, do anh T nghiện ma túy, thường xuyên bỏ nhà đi không lo gì cho gia đình nên phát sinh mâu thuẫn, chị Ng đã bỏ

nhà đi từ tháng 5/2019 cho đến nay, hiện cuộc sống không thể kéo dài được nữa, nên chị Ng yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Ng ly hôn với anh T.

Tuy nhiên, anh T không đồng ý ly hôn, vì anh T cho rằng anh T có nghiện ma túy nhưng anh T vẫn còn tình cảm với chị Ng và hiện các con còn nhỏ, nên anh T xin được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Chị Ng và anh T có 02 người con chung là Lục Thanh T, sinh ngày 15/12/2013 và Lục Văn T, sinh ngày 16/8/2015. Nếu ly hôn chị Ng và anh T đều có nguyện vọng nhận nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại chị Ng, anh T không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị Ng, anh T không ai yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Pháp luật về tố tụng: Việc chị Vi Thị Ng khởi kiện tại tòa án yêu cầu được ly hôn với anh Lục Văn T, Toà án thụ lý giải quyết là phù hợp khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh T cố tình vắng mặt lần thứ hai, Tòa án đã tiến hành xác minh, giao nhận các văn bản tố tụng cho người thân anh T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Pháp luật về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Vi Thị Ng và anh Lục Văn T về chung sống với nhau từ năm 2013, đăng ký kết hôn ngày 17/01/2017 tại UBND xã T, huyện E, tỉnh Đăk Lăk theo giấy đăng ký kết hôn số 08. Sau một thời gian sống chung hạnh phúc, thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T nghiện ma túy, thường xuyên bỏ nhà đi không lo gì cho gia đình, hiện chị Ng không còn tình cảm gì với anh T, cuộc sống của vợ chồng không thể kéo dài được nữa, nên chị Ng yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Ng được ly hôn với anh T.

Ngược lại thì anh T cho rằng: Anh T có nghiện ma túy, anh T và chị Ng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng anh T vẫn còn tình cảm với chị Ng, các con còn nhỏ nên anh T không đồng ý ly hôn.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và qua xác minh tại người nhà anh T, thì chị Ng và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T là người nghiện ma túy đã được đưa đi cai nghiện nhiều lần nhưng vẫn tái nghiện, thường xuyên bỏ nhà đi, không lo lắng gì cho gia đình. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị Ng và anh T ngày càng trầm trọng, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân

không còn tồn tại. Vì vậy, việc chị Ng yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

Về con chung: Chị Ng và anh T có 02 người con chung là Lục Thanh T, sinh ngày 15/12/2013 và Lục Văn T, sinh ngày 16/8/2015, trong quá trình giải quyết vụ án chị Ng và anh T đều có nguyện vọng xin được nuôi con. Nhưng nhận thấy, xét nguyện vọng nuôi con chung của chị Ng và hiện tại anh T là người nghiện ma túy, thường xuyên bỏ nhà đi, nên cần giao 02 con chung cho chị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại chị Ng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập giải quyết.

Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị Ng, anh T không ai yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Vi Thị Ng được ly hôn với anh Lục Văn T.

2. Về nuôi con chung: Căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

2.1. Giao 02 con chung là Lục Thanh T, sinh ngày 15/12/2013 và Lục Văn T, sinh ngày 16/8/2015 cho chị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

2.2. Hiện tại chị Ng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập giải quyết.

Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Ng, anh T không ai yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 19; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Chị Vi Thị Ng phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo theo biên lai số AA/2019/0000922 ngày 16/7/2019.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- UBND xã T, huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ